TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Ngọc N, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Minh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nay là xã TP, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh và chị N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi, ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày 16/10/2009 đang sống chung anh. Anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Trọng K, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với chị Trần Ngọc N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và

không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Minh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ, chị N chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo anh Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn anh chị bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi và ly thân từ năm 2020, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Chị N không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh Đ được ly hôn chị N.

[3] Về con chung: Cháu K đang sống chung anh Đ vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và cháu có nguyện vọng sống chung anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh Đ xác định không có và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đ phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lê Minh Đ, cho anh Lê Minh Đ được ly hôn chị Trần Ngọc N.

2. Về con chung: Giao Lê Trọng K, sinh ngày 16/10/2009 cho anh Lê Minh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Trần Ngọc N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Minh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011762 ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, anh Đ đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Đang, chị Nhĩ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- PTHADS khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã TP, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng